

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2017/HNGĐ-ST

Ngày:21/7/2017

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

2. Bà Doãn Thị Lệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn X, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; địa chỉ: Thôn X, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn từ ngày 19/7/1999 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong những năm đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, anh T thường xuyên uống rượu và vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường kiêu căng, đánh đập chị, xúc phạm chị và có lần anh T còn dùng dao dọa giết chị, vì sợ quá nên chị đã bỏ đi đến nhà anh chị ở nhờ không dám về nhà. Hiện nay hai vợ

chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Văn T

Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Bùi Văn T có hai con chung là cháu Bùi Thị Anh T sinh ngày 29/9/1998 và cháu Bùi Nguyễn Anh S sinh ngày 28/6/2001. Ly hôn thì đối với cháu Anh T đã lớn trên 18 tuổi và đã tự lao động được nên chị không yêu cầu, còn lại cháu S theo nguyện vọng của cháu là muốn ở với anh T nên chị đồng ý giao cháu S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000đ/tháng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung.

Về tài liệu, chứng cứ chị Nguyễn Thị N đã cung cấp cho Tòa án: 02 Trích lục khai sinh của các con (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao chứng thực); 01 Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); 02 Giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị N (Bản phô tô chứng thực) và anh Bùi Văn T (Bản phô tô).

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2017, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày:

Anh Bùi Văn T thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị N về quan hệ hôn nhân, ngày tháng năm đăng ký kết hôn, về con chung. Anh T trình bày anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, anh thừa nhận trong thời gian gần đây anh thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi nhau và có lần anh cầm dao hù dọa giết chị N. Hiện nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh cảm thấy vẫn còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, nếu chị Nguyễn Thị N vẫn kiên quyết muốn ly hôn thì đối với cháu Bùi Thị Anh T đã lớn trên 18 tuổi và đã tự lao động được nên anh không yêu cầu, còn lại cháu S theo nguyện vọng của cháu là muốn ở với anh nên anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Bùi Văn T; Về con chung giao con chung là cháu Bùi Nguyễn Anh S sinh ngày 28/6/2001 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị

Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Nguyễn Anh S hàng tháng với mức là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bên đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn T, tranh chấp về nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại thôn X, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn ngày 19/7/1999 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Nguyễn Thị N khai thì vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn với nhau nguyên nhân do anh T không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đi uống rượu về gây gổ, xúc phạm đánh đập chị. Hiện nay, chị N đang sống nhờ tại nhà anh chị không dám về nhà vì sợ anh T đánh và chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Văn T. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận trong thời gian gần đây anh có thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi nhau, có lần anh cầm dao hù dọa giết chị N, tuy nhiên anh cảm thấy vẫn còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị N và anh T là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu về đánh đập, hành hung chị N. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ nên hòa giải đoàn tụ không thành. Đến nay chị Nguyễn Thị N khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh Bùi Văn T nữa nên chị vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Từ nhận định trên thấy rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn hai vợ chồng là do anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là cháu Bùi Thị Anh T sinh ngày 29/9/1998 và cháu Bùi Nguyễn Anh S sinh ngày 28/6/2001. Đối với cháu Anh T đã lớn trên 18 tuổi và đã tự lao động được nên chị không yêu cầu, còn lại cháu S hiện nay đã được 16 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2017, cháu S đã khai nguyện vọng của cháu là muốn ở với anh T và chị N cũng đồng ý giao cháu S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Nguyễn Anh S cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con 3000.000đ/tháng và chị N cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của anh T. Xét thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể là chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Nguyễn Anh S với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu thêm án phí cấp dưỡng. Do chị N và anh T đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nhưng được Tòa án ghi nhận trong bản án nên chị N phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Bùi Văn T.

Tuyên Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Giao cháu Bùi Nguyễn Anh S sinh ngày 28/6/2001 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

3. Chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Nguyễn Anh S với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002977 ngày 17 tháng 03 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị N còn phải nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
 - VKSND thành phố P;
 - Chi cục THADS thành phố P;
 - Các đương sự;
 - UBND xã A, TP. P
- (GCNKH số 26, QS 01 ngày 19-7-1999);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Rmah HThuyên